

Số: 129/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XX ngày 04/12/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 129/NQ-HĐKĐCL ngày 06 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,27	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,93
Tiêu chuẩn 1	4,40	Tiêu chuẩn 13	3,60
Tiêu chuẩn 2	3,75	Tiêu chuẩn 14	3,60
Tiêu chuẩn 3	4,25	Tiêu chuẩn 15	4,20
Tiêu chuẩn 4	4,50	Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,50	Tiêu chuẩn 17	4,25
Tiêu chuẩn 6	4,14	Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 7	4,40	Tiêu chuẩn 19	4,00
Tiêu chuẩn 8	4,25	Tiêu chuẩn 20	3,75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,06	Tiêu chuẩn 21	4,00
Tiêu chuẩn 9	4,00	Mục 4. Kết quả hoạt động	4,06
Tiêu chuẩn 10	4,00	Tiêu chuẩn 22	4,50
Tiêu chuẩn 11	4,25	Tiêu chuẩn 23	4,00
Tiêu chuẩn 12	4,00	Tiêu chuẩn 24	3,75
		Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 129/NQ-HĐKĐCL ngày 06 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội giai đoạn 2017-2021 cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã được xây dựng qua các giai đoạn; được rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với bối cảnh và yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và yêu cầu của cách mạng công nghiệp. Hệ thống quản trị, cơ cấu quản lý được thiết lập hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu các quy định hiện hành và yêu cầu thực hiện tự chủ; các kế hoạch chiến lược được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, có chính sách đòn bẩy tài chính khuyến khích nghiên cứu khoa học và chuyển giao đã tạo được động lực và chiều hướng tốt trong 2-3 năm gần đây; các chế độ, chính sách, công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ được triển khai và đạt hiệu quả. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo quy định, có sự gia tăng hàng năm. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì đánh giá nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập và vận hành khá hiệu quả; đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng; chiến lược đảm bảo chất lượng được cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ số thực hiện chính và có các chính sách đảm bảo thực hiện thành công và được triển khai hàng năm; các hoạt động đánh giá cấp nhà trường và chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn quốc gia và khu vực được triển khai; hoạt động đối sánh được quy định và triển khai thực hiện trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và tự đánh giá chất lượng nhà trường, so chuẩn với bộ chỉ số UPM để hướng tới cải tiến liên tục chất lượng các hoạt động; hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng trên nền tảng ứng dụng đại học điện tử và đã hỗ trợ khá kịp thời cho các cấp ra quyết định phù hợp.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được chú trọng; chính sách, tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học đại học được xác định rõ ràng, được thực hiện theo quy trình chặt chẽ và đạt hiệu quả; nội dung các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh tiếp cận theo CDIO, ABET; các hoạt động dạy và học được thiết kế khá đa dạng, thể hiện được mục tiêu và triết lý giáo dục của Nhà trường; các hoạt động kết nối doanh nghiệp, tổ chức thực hành thực tế, hỗ trợ người học khởi nghiệp và nghiên cứu khoa học bước đầu được chú trọng; công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, được thực hiện đúng quy định; mục tiêu phát triển nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được chuyển thành các kế hoạch nhiệm vụ hàng năm và được đầu tư, giám sát đánh giá để khắc phục, cải tiến; công tác quản lý các hoạt động được tin học hóa; mạng lưới kết nối và phát triển hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng được thiết lập theo chiều sâu và có hiệu quả.

4. Về Kết quả hoạt động: Công thông tin Đại học điện tử HaUI đồng bộ quản lý từ đầu vào đến đầu ra, theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo; tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn tương đối khá, tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm và mức thu nhập có sự gia tăng; có sự hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước trong tuyển dụng việc làm; đã nỗ lực huy động được khá đa dạng nguồn kinh phí, kể cả từ doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học; kết quả đạt được đáng ghi nhận, công bố khoa học nhất là trên hệ thống Wos/Scopus tăng đáng kể; kết nối doanh nghiệp, địa phương được các đơn vị triển khai mạnh mẽ mang lại nhiều kết quả, đặc biệt về hỗ trợ việc làm cho sinh viên đã có các tác động xã hội tích cực, được Bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan ghi nhận; các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường được thực hiện tốt theo các quy định và duy trì được đà tăng trưởng ổn định.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, điều chỉnh một số nội dung của tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cho phù hợp với chiến lược phát triển chung và khát vọng của đất nước; với xu thế phát triển của đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; vừa đáp ứng yêu cầu chung, vừa truyền cảm hứng cho các bên liên quan và quyết tâm xác định tầm nhìn tương xứng với lộ trình phát triển của thành viên trường đại học thuộc nhóm câu lạc bộ nghìn tỷ và là một trong 2 trường đại học công nghiệp quan trọng của đất nước; có kế hoạch tổ chức nghiên cứu, thu thập dữ liệu, tham gia một số bảng xếp hạng đối sánh.

2. Khẩn trương và trực tiếp ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động chính thức của Trường và rà soát, cập nhật các văn bản liên quan; thành lập bộ phận giám sát và chỉ đạo các hoạt động có hiệu quả. Hội đồng trường cần quan tâm hoạt động đúng chức năng, quy định, nhưng cũng cần phát huy tính chủ động, sáng tạo; tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai mô hình trường đại học tự chủ một cách bền vững và hiệu quả, phát triển thành mô hình đại học như đề án đã xây dựng.

3. Có lộ trình nhất thể hoá chức danh Bí thư và Chủ tịch Hội đồng trường theo Nghị quyết 19-NQ/TW, Quy định 80-QĐ/TW; cụ thể hóa việc phân cấp, phân quyền, quản trị chia sẻ, cơ chế giải trình, giám sát trong các quy định của Đảng, Quy chế tổ chức và hoạt động và các quy định khác; rà soát, hoàn thiện các thể chế để triển khai đầy đủ quyền tự chủ và chịu trách nhiệm với các bên liên quan, định danh rõ người ra quyết định từng loại văn bản; có các công cụ đối sánh bên trong và bên ngoài Trường cho nhiều mục đích; xây dựng đề án tái cấu trúc dần định hình mô hình hướng đến chuyển Trường thành Đại học Công nghiệp Hà Nội theo Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14, Nghị định 99/2019/NĐ-CP, Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định 120/2020/NĐ-CP; có các mô hình thí điểm về phân cấp quản trị/quản lý trong Trường.

4. Thể hiện rõ được ma trận mối quan hệ các mục tiêu tác động qua lại lẫn nhau để hướng đến được tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi; bổ sung thêm căn cứ về các chiến lược phát triển ngành công thương, chiến lược phát triển vùng, quốc gia và tham chiếu các tiêu chí để vươn lên xếp hạng cao của các hệ thống xếp hạng thế giới như THE, QS ranking; có các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn cụ thể cho từng năm để hướng đến được các chỉ số tổng 5 năm như đã xác lập trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết về Kế hoạch chiến lược cần

được Hội đồng trường ban hành chính thức cho phù hợp với yêu cầu của Luật giáo dục đại học.

5. Có các chính sách đủ mạnh để tăng được chỉ số trao đổi giảng viên và sinh viên quốc tế cả nguồn vào và nguồn ra (Mobility); rà soát và bổ sung các học phần về khởi nghiệp, năng lực số vào các chương trình đào tạo, có chính sách để tăng được quy mô đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; ưu tiên chính sách gắn doanh nghiệp vào nghiên cứu khoa học thực chất, xây dựng tiềm lực nhóm nghiên cứu mạnh cấp quốc gia, ưu tiên nguồn lực cho các sản phẩm nghiên cứu khoa học có tầm ảnh hưởng ngành, quốc gia và giải quyết vấn đề đơn đặt hàng, tăng được số lượng Spin off, Start-ups từ giảng viên và sinh viên; nghiên cứu ứng dụng tiếp cận 17 mục tiêu phát triển bền vững; rà soát lại các nội dung và nội hàm về phục vụ cộng đồng, ưu tiên các hoạt động hướng ra bên ngoài đào tạo, khoa học công nghệ, thiện nguyện, ứng phó,...

6. Rà soát đội ngũ để quy hoạch và xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhân lực phù hợp với cơ chế tự chủ và Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 và phù hợp với Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT; có chính sách đột phá hơn nữa trong tuyển dụng để phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành, tăng số lượng góp sư, phó giáo sư và thu hút giảng viên trình độ cao; triển khai khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để phát triển nhân lực theo hướng tiếp cận năng lực; và xây dựng văn hoá, tư duy và năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực số cho cả giảng viên và nhân viên hỗ trợ.

7. Có chính sách/chiến lược tăng nguồn thu từ hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm trí tuệ; xác định vai trò của hoạt động tài chính là tạo Động lực, Kiến tạo, Đột phá; thu hút Tinh hoa và Hiền tài; giữ tăng thu nhập trên 10%, bền vững các quỹ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP; tập trung đầu tư biên soạn bộ học liệu số, học liệu kết nối chia sẻ với các cơ sở giáo dục đại học khác; bổ sung thiết bị nâng cao khả năng tiếp cận của người có nhu cầu đặc biệt, có biện pháp mạnh và hiệu quả để có thể sớm triển khai Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cơ sở 1; tiếp tục đầu tư hiện đại hóa cơ sở 2 và cơ sở 3, tạo tiền đề cho Đại học Công nghiệp Hà Nội.

8. Hoàn thiện bộ máy và cơ chế để có bộ phận tham mưu cấp phòng trong xây dựng chính sách, rà soát, đánh giá mạng lưới và các quan hệ đối ngoại; rà soát, đánh giá theo các mức độ phát triển để xác định các ưu tiên và đối tác chiến lược, trong đó ưu tiên phát triển hợp tác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu để phát huy tiềm năng và vai trò đầu tàu trong ứng dụng công nghệ ở Việt Nam.

9. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu phát triển của Trường, tương thích với các yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên ngoài và bối cảnh Việt Nam; soi chiếu chiến lược đảm bảo chất lượng của Trường, Khung đảm bảo chất lượng ASEAN để xây dựng giám sát, đánh giá và liên tục cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, phát triển văn hóa chất lượng nhà trường; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn, ban hành đầy đủ chính sách đảm bảo chất lượng, mô hình đảm bảo chất lượng, sổ tay đảm bảo chất lượng, quản trị rủi ro trong đảm bảo chất lượng và bố trí nguồn lực tương xứng; cải tiến quy trình xác lập các chỉ tiêu và chỉ số thực hiện chính về đảm bảo chất lượng để thực hiện được đầy đủ các mục tiêu chiến lược và công tác đảm bảo chất lượng.

10. Có phương án điều phối/bổ sung nhân lực chuyên trách đảm bảo chất lượng, tăng cường năng lực chuyên môn cho các cán bộ để đáp ứng yêu cầu tổ chức, triển khai các hoạt

động đảm bảo chất lượng, tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài; tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá; tổ chức rút kinh nghiệm để triển khai thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo theo kế hoạch; lựa chọn ưu tiên các phát hiện qua tự đánh giá và đánh giá ngoài để có biện pháp khắc phục, cải tiến phù hợp, nhất là thiết kế các chương trình đào tạo sau đại học; chia sẻ và lan tỏa các thực hành đảm bảo chất lượng tốt nhất trong các đơn vị và đẩy mạnh truyền thông đảm bảo chất lượng để đáp ứng đầy đủ, có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược.

11. Rà soát và có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài để đảm bảo thu thập, phân tích và sử dụng những thông tin cần thiết phục vụ việc quản lý có hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; bổ sung hệ thống thông tin đối sánh trong nước, quốc tế với các cơ sở giáo dục khác, hoặc đối sánh ngoài các chương trình đào tạo, các hoạt động; trực quan hóa bằng hình ảnh, biểu đồ... cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng, đặc biệt giám sát chỉ số thực hiện Kế hoạch chiến lược để có cơ sở đưa ra quyết định.

12. Ban hành các quy định, văn bản, hướng dẫn về đối sánh (lựa chọn đối tác, lựa chọn thông tin, xác định hình thức, đánh giá hiệu quả... của đối sánh); tích cực triển khai đối sánh ngoài (có thể sử dụng tiêu chí các bảng xếp hạng QS Stars, UPM... để làm cơ sở xác định các chỉ số đối sánh); xác định rõ vai trò của đối sánh cấp khoa/viện, đối sánh cấp trường và đối sánh ngoài đối với hoạt động cải tiến liên tục; định kỳ rà soát để cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh phục vụ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

13. Nghiên cứu điều chỉnh chính sách tuyển sinh để thu hút thêm nhiều học sinh giỏi và xuất sắc vào học (tăng số lượng và mức học bổng, mở rộng đối tượng được học bổng với thí sinh xuất sắc...); có giải pháp để tăng quy mô tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo sau đại học; ban hành quy trình chi tiết về giám sát công tác tuyển sinh và nhập học (nội dung giám sát, tổ chức, cá nhân tham gia giám sát, quy trình và hình thức giám sát phù hợp với đặc thù của Trường); lưu ý xác định rõ và công khai đầy đủ tiêu chí tuyển chọn đối với tuyển sinh đào tạo thạc sĩ trong các kế hoạch và thông báo tuyển sinh; thực hiện đúng quy trình xét chọn để đảm bảo lựa chọn đúng đối tượng vào học theo quy định.

14. Xây dựng và ban hành văn bản quy định tổng thể về việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo cập nhật theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thể hiện rõ triết lý giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education), thống nhất nguyên lý phát triển chương trình đào tạo theo tương thích có định hướng (Constructive Alignment); tổ chức rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phân nhiệm thành chuẩn đầu ra của các học phần; rà soát, cập nhật đề cương của các học phần, đồng thời xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo làm căn cứ rà soát, cập nhật nội dung của chương trình đào tạo và của các học phần nhằm đảm bảo có sự kết nối các lĩnh vực đào tạo, thể hiện rõ tính đặc thù của Nhà trường; tăng cường các kiến thức mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và các phân tích, đánh giá chính sách đối với các chương trình đào tạo sau đại học.

15. Có hướng dẫn chi tiết về việc truyền tải nội dung triết lý giáo dục trong việc lựa chọn các hình thức dạy- học phù hợp; quán triệt thường xuyên đối với đội ngũ giảng viên và các đối tượng người học; đầu tư đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong

giảng dạy; chú trọng các phương pháp rèn luyện kỹ năng tự học, năng lực sáng tạo của người học thông qua hình thức học tập trải nghiệm, học theo dự án/đề án...; chú trọng hơn nữa các hoạt động dạy học theo cá thể hóa, thúc đẩy tinh thần tự học, năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển đổi số...; tăng cường hơn nữa việc đầu tư cho nghiên cứu khoa học, các hỗ trợ cho người học khởi nghiệp; gắn kết chặt chẽ các đề tài luận văn, luận án tốt nghiệp với yêu cầu thực hiện chuyên môn của các doanh nghiệp, cơ quan nơi các cá nhân người học đang công tác.

16. Ban hành một văn bản tổng thể về công tác kiểm tra đánh giá để đảm bảo tính đầy đủ, chi tiết tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện; có hướng dẫn việc lựa chọn các hình thức thi, kiểm tra để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra, nhất là đối với chuẩn năng lực, mức độ tự chủ và trách nhiệm và có hướng dẫn về công tác xây dựng đề thi thông qua kỹ thuật thiết kế ma trận đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi với hình thức thi tự luận; sớm ban hành quy trình xây dựng, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá; hoàn thiện chức năng hỗ trợ phân tích kết quả thi, mối tương quan giữa các điểm quá trình để có căn cứ cải tiến các hình thức đánh giá cho phù hợp và đảm bảo đo lường được chuẩn xác mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra.

17. Cải tiến công cụ, phương thức khảo sát nhu cầu về hỗ trợ, phục vụ của người học và có hướng dẫn cụ thể về quy trình, các chỉ số KPIs để rà soát các chính sách, cơ chế và các hoạt động hỗ trợ đáp ứng được đầy đủ hơn các nguyện vọng của người học; hoàn thiện đánh giá hiệu quả các vị trí phục vụ, hỗ trợ để cải thiện; quan tâm việc xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp hỗ trợ công tác lãnh đạo quản lý; cần cải thiện hoạt động giám sát, phục vụ, hỗ trợ học viên sau đại học và kết nối, hỗ trợ cựu sinh viên.

18. Thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích đối sánh kết quả đạt được để điều chỉnh, hoàn thiện các chỉ tiêu, chỉ số đánh giá chất lượng, hiệu quả trong kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; tăng cường chính sách đầu tư và thu hút được đội ngũ giáo sư và chuyên gia đầu ngành, thành lập các nhóm nghiên cứu để dẫn dắt các hoạt động khoa học và công nghệ; khai thác tốt mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học xứng tầm với nội lực và phát triển được các ngành mũi nhọn, tạo bản sắc riêng và trở thành trường phái khoa học; tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quy định, đổi mới công tác quản trị và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ.

19. Thiết lập một hệ thống quy củ hơn để nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, bảo hộ và khai thác các tài sản trí tuệ; tổ chức xây dựng và ban hành đầy đủ quy định, hướng dẫn về công tác sở hữu trí tuệ, lưu ý cập nhật Nghị định số 22/2018/NĐ-CP của Chính phủ và tăng cường nhận thức cho cán bộ, giảng viên và sinh viên về công tác này; đầu tư xây dựng chiến lược khai thác các tài sản trí tuệ; bổ sung thành các KPIs vào Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 và chuyển tải thành các nhiệm vụ hàng năm song song với việc đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại được nhằm tăng nguồn thu.

20. Đầu tư xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu với đối tác là các trường/viện có thế mạnh, theo định hướng có các sản phẩm nghiên cứu

khoa học là kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học giữa hai bên nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu khoa học; có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút đội ngũ chuyên gia nước ngoài có uy tín chuyên môn cao, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài; tăng cường năng lực cán bộ khoa học của Nhà trường để cùng với các đối tác xây dựng được các đề tài, dự án hợp tác song phương, các đề tài nghị định thư để phát huy được nội lực, tiềm năng và nâng cao uy tín, thương hiệu của Nhà trường.

21. Rà soát, hoàn thiện văn bản quy định, quy trình để đo lường, giám sát các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan với các chỉ số, chỉ báo cụ thể phân rõ các hoạt động có tính hỗ trợ phục vụ cộng đồng; trên cơ sở đó xác định rõ chiến lược, đối tác chiến lược và cải tiến chính sách để có đóng góp nhiều hơn về chính sách, tăng cường chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ và giải pháp hữu ích cho phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với sứ mạng và khai thác tiềm lực của Trường trong lĩnh vực công nghiệp để đóng góp nhiều hơn cho phát triển, phục vụ cộng đồng.

22. Thiết lập kênh (HuB) kết nối giữa Nhà trường – Doanh nghiệp – cựu sinh viên và sinh viên để hỗ trợ, chia sẻ sinh viên kinh nghiệm và tìm kiếm việc làm phù hợp; hướng đến đào tạo và hỗ trợ người học tốt nghiệp làm việc nước ngoài với danh hiệu kỹ sư; có chính sách công bố đầu ra ngoại ngữ, ưu tiên đạt chuẩn chứng chỉ quốc tế, tăng cường các môn học tiếng Anh chuyên ngành ở các năm học cuối, có giải pháp để tăng tỷ lệ sinh viên giỏi, xuất sắc học vượt, tốt nghiệp sớm, nhanh tìm kiếm việc làm trước 4 năm; ký kết thỏa thuận, khai thác dữ liệu đối sánh về sinh viên thôi học, sinh viên tốt nghiệp, việc làm giữa các cơ sở giáo dục đại học để có tính liên tục và lâu dài; có chiến lược 5-10 năm tăng được tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tự tạo việc làm, khởi nghiệp bằng việc hỗ trợ các ươm tạo sinh viên ngay khi còn học tại trường.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phấn đấu nhằm thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn của mình; cần nghiên cứu lựa chọn mô hình hoạt động khoa học công nghệ, thiết lập văn hóa nghiên cứu khoa học và thói quen nghiên cứu khoa học; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa được; cần nghiên cứu phương án và có lộ trình xây dựng trung tâm chuyển giao tri thức và công nghệ (tri thức nước ngoài, tri thức trong nước, tri thức của trường); tăng cường huy động mọi nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học, trong đó có nguồn thu từ chuyển giao khoa học công nghệ; có các giải pháp tích cực, khẩn trương để khai thác, thương mại hóa các tài sản trí tuệ, tăng cường công tác sở hữu trí tuệ; khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học.

24. Hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát với các hướng dẫn và tiêu chí đo lường, đánh giá, đối sánh về loại hình và tác động xã hội tới các bên liên quan đối với các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đặc biệt là đánh giá được tác động xã hội đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học để thực hiện; hoàn thiện công cụ khảo sát và xây dựng cơ sở dữ liệu về hiệu quả và kết quả các hoạt động này cũng như sự hài lòng của các bên liên quan để giám sát, đánh giá được đầy đủ; phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả khảo sát và cơ sở dữ liệu để cải tiến chính sách và cải tiến chất lượng các hoạt động này.

25. Xây dựng hệ thống chỉ số thị trường phù hợp để từng bước có giải pháp thực thi; xây dựng văn bản quy định cụ thể về quy trình, phương pháp, công cụ... thu thập thông tin phản

hỏi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; lồng ghép yếu tố thị trường như nhu cầu thị trường, khả năng chi trả, khả năng cạnh tranh của thị trường trong các quyết định điều hành; tham gia một số bảng xếp hạng đối sánh để thực hiện mục đích kép – tích hợp: đối sánh chất lượng và quản trị thương hiệu cho Nhà trường và các khoa/chương trình đào tạo.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
